

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

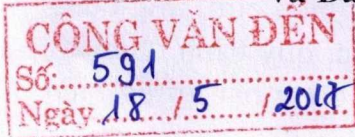
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1698 /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 16 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển; Kế hoạch sản xuất kinh doanh
và Đầu tư phát triển 05 năm (2016 – 2020) của Công ty TNHH
một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính phủ quy định chế độ giám sát, kiểm tra thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 838/TTr-STC ngày 21/4/2017 (kèm theo Biên bản thẩm định của các ngành ngày 18/4/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm (2016 – 2020) của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam, với các nội dung chính như sau:

I. Chiến lược phát triển:

1. Quan điểm:

a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam. Cung cấp đủ nguồn nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, xóa đói giảm



nghèo, nâng cao đời sống của người dân trong tỉnh, đặc biệt là những người nông dân...

b) Khai thác, sử dụng nguồn nước hợp lý, phục vụ đa mục tiêu; bảo vệ, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; chú ý đến bảo vệ môi trường nguồn nước trong việc cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ dân sinh và các hoạt động sản xuất khác.

c) Bảo vệ an toàn các hệ thống công trình thủy lợi, nhất là các hồ chứa, đập dâng, đảm bảo an toàn phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

d) Thích ứng với biến đổi khí hậu, mặn xâm nhập; nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ tiên tiến về cấp nước, tiêu nước, quy trình quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi nhằm hạn chế tác động bất lợi do biến đổi khí hậu, nước biển xâm nhập.

2. Định hướng phát triển:

a) Tập trung nâng cấp, hiện đại hoá các hệ thống thủy lợi hiện có để phát huy và khai thác tối đa năng lực thiết kế.

b) Tiếp tục đầu tư xây dựng thêm công trình mới.

c) Các công trình thủy lợi tổng hợp quy mô vừa và lớn ở các lưu vực sông, cấp nước tưới cho nông nghiệp, thủy sản, sinh hoạt, công nghiệp, chống lũ và thủy điện.

d) Phát triển các công trình thủy lợi cấp nước, ngăn mặn, giữ ngọt phục vụ phát triển dân sinh và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, góp phần hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

đ) Nâng cao năng lực cấp nước của các hệ thống thủy lợi, tạo thêm nguồn nước bằng nhiều hồ chứa lớn trên dòng chính và các công trình nhỏ trên dòng nhánh.

e) Ứng dụng công nghệ tưới, tiêu khoa học để tiết kiệm nước.

f) Tăng cường đầu tư cho quản lý vận hành các hệ thống thủy lợi để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm nước.

3. Mục tiêu:

a) Tiếp cận, quản lý, khai thác các công trình để phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp.

b) Cung cấp nước cho dân sinh, công nghiệp, thủy điện, chăn nuôi,...

II. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm (2016 – 2020):

1. Mục tiêu tổng quát:

a) Đảm bảo nguồn nước cung cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp hằng năm trên địa bàn của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

b) Quản lý, khai thác và bảo vệ các hệ thống công trình thủy lợi: Hồ, đập, kênh mương, công trình trên kênh thuộc địa bàn tỉnh Quảng Nam do Công ty quản lý. Đặc biệt chú trọng trong mùa mưa bão; thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, kiểm định an toàn các hồ chứa nước, an toàn đập,...

c) Thực hiện đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi trong hệ thống đáp ứng khả năng tải nước, cung cấp nước phục vụ sản xuất.

d) Cung cấp nước phục vụ dân sinh, sản xuất công nghiệp, thủy điện, chăn nuôi,...

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về sản lượng: Sản lượng hằng năm đạt được, bao gồm: diện tích tưới, tiêu (ha), cấp nước dân sinh (m^3), công nghiệp (m^3), chăn nuôi (m^3), thủy điện (sản lượng điện thương phẩm-Kwh), trong đó sản lượng về diện tích tưới, tiêu ổn định, lâu dài. Cụ thể như sau:

- Diện tích tưới, tiêu từ 50.000 - 51.000ha đất sản xuất nông nghiệp/năm.
- Cấp nước phục vụ dân sinh trên 12 triệu m^3 /năm.
- Cấp nước sản xuất điện trên 350.000KWh/năm.
- Cấp nước sản xuất công nghiệp trên 01 triệu m^3 /năm.
- Cấp nước phục vụ chăn nuôi trên 60.000 m^3 /năm.

b) Về doanh thu: Doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh bình quân hằng năm khoảng 59 tỷ đồng, bao gồm các hoạt động kinh doanh chủ yếu sau:

- Doanh thu thủy lợi phí bình quân hằng năm khoảng 47 tỷ đồng.
- Doanh thu cấp nước bình quân hằng năm khoảng 12 tỷ đồng.

c) Về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình: Hiện nay, Công ty đang quản lý 17 hồ chứa nước, 25 trạm bơm điện, 28 đập dâng (03 đập kiên cố, 25 đập bán kiên cố và thời vụ), hơn 804km kênh mương và hàng ngàn công trình trên kênh.

Tổ chức quản lý, duy tu bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ và bảo vệ các hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình vận hành phục vụ sản xuất, kinh doanh cũng như đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mùa mưa bão nhất là các hồ chứa nước, các đập dâng kiên cố.

d) Về lao động, tiền lương:

- Lao động: Duy trì lực lượng lao động đảm bảo quy định về năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo định mức; trong 05 năm (2016 – 2020), giữ ổn định số lao động định mức, trường hợp bổ sung không vượt quá số lao động nghỉ hưu hoặc xin nghỉ việc. Hằng năm, triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động cũng như viên chức quản lý; đồng thời rà soát, bố trí lao động hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả làm việc, tăng năng suất lao động.

- Về tiền lương: Hằng năm, trên cơ sở các quy định của pháp luật, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan xem xét, phê duyệt mức tiền lương CBCNV của Công ty.

3. Kế hoạch triển khai:

Nội dung	Thực hiện năm 2016	Định hướng đến năm 2020
1. Diện tích (ha)	49.925,140	51.025,140
2. Doanh thu (đồng)	51.910.000.000	63.441.000.000

* **Ghi chú:** Doanh thu năm 2020 tạm tính theo Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 03/7/2013 của UBND tỉnh.

III. Các giải pháp thực hiện:

1. Giải pháp về tài chính:

a) Nâng cao năng lực quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh; các khoản công nợ phải thu, phải trả, không để phát sinh nợ xấu.

b) Tổ chức hạch toán kế toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, rõ ràng, minh bạch, hóa đơn chứng từ đảm bảo quy định, hợp lý, hợp lệ.

c) Quản lý các khoản thu, chi đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc quản lý, vận hành công trình, gồm: định mức sử dụng nước; định mức sử dụng điện hoặc nhiên liệu; định mức lao động; định mức sửa chữa thường xuyên và các định mức cần thiết khác cho phù hợp với từng thời kỳ, thời điểm kinh doanh.

đ) Thực hiện việc theo dõi có hệ thống, điều chỉnh hoặc đề nghị điều chỉnh cho phù hợp các chỉ tiêu kinh tế, các định mức kinh tế - kỹ thuật; định kỳ đánh giá hiệu quả dịch vụ tưới, tiêu nước và hiệu quả đầu tư, khai thác công trình thủy lợi.

e) Cải tiến tổ chức, áp dụng cơ chế quản lý năng động, tạo động lực thúc đẩy, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

2. Giải pháp về sản xuất:

a) Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi:

- Thực hiện việc bảo trì công trình theo quy định.
- Thực hiện việc vận hành công trình theo nhiệm vụ thiết kế, quy trình thao tác và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Thực hiện việc kiểm tra công trình, quan trắc công trình theo quy định.

- Bảo vệ công trình, ngăn chặn, phòng, chống các hành vi xâm hại hoặc phá hoại công trình.

- Thực hiện công tác phòng chống lụt, bão, bảo đảm an toàn công trình; chú trọng công tác an toàn các hồ chứa nước, an toàn đập trong mùa mưa bão.

- Thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư, tổ chức triển khai, giám sát việc khôi phục, đại tu, nâng cấp công trình.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để kéo dài tuổi thọ và nâng cao hiệu quả khai thác công trình.

b) Quản lý nguồn nước, phân phối nguồn nước và bảo vệ nguồn nước:

- Đánh giá, dự báo nguồn nước; tổng hợp yêu cầu sử dụng nước; lập kế hoạch, phương án cung cấp nước cho các hộ dùng nước, phương án tiêu nước và kế hoạch, phương án ngăn mặn hoặc hạn chế xâm nhập mặn.

- Điều hành việc phân phối nước, cấp nước, tiêu nước, ngăn mặn hoặc hạn chế xâm nhập mặn.

- Quản lý, kiểm soát việc xả nước thải vào nguồn nước; bảo vệ, chống ô nhiễm nguồn nước.

- Quan trắc, đo đạc lượng mưa, mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước theo quy định.

- Phổ biến, ứng dụng các công nghệ tưới tiết kiệm nước, cải thiện chất lượng nước, nâng cao hiệu quả sử dụng tổng hợp nguồn nước; các quy trình, kỹ thuật tưới, tiêu nước tiên tiến để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.

- Thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Đánh giá kết quả tưới, tiêu nước, cung cấp nước; lập bản đồ kết quả tưới tiêu nước từng vụ và báo cáo kết quả cung cấp nước cho các hộ dùng nước phi nông nghiệp.

- Điều chỉnh chức năng một số hồ thủy lợi sang phục vụ cho sản xuất công nghiệp và dịch vụ phù hợp với quy hoạch thủy lợi và quy hoạch kinh tế, xac hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

3. Giải pháp về marketing:

a) Điều tra, tra soát diện tích tưới tiêu hằng năm đã thực hiện trên cơ sở các hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý cung cấp nước đã ký kết, đảm bảo tính đúng, tính đủ, đúng đối tượng để xác định doanh thu hằng năm.

b) Tổ chức quản lý chặt chẽ hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý cung cấp nước cho hoạt động sản xuất công nghiệp, chăn nuôi, ... bằng hình thức lắp đặt đồng hồ đo đếm khối lượng nước được cung cấp, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên đối tác thực hiện hợp đồng cấp nước.

c) Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng, củng cố và phát triển các tổ chức “Thủy nông cơ sở” để quản lý tốt hệ thống kênh mương nội đồng, đảm bảo nước đến chân ruộng, tiết kiệm, hiệu quả.

d) Tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo vệ công trình thủy lợi; không lấn chiếm và xâm hại công trình thủy lợi dưới mọi hình thức; không đổ rác thải, nước thải, xác súc vật xuống lòng kênh gây cản trở dòng nước, gây tác hại môi trường và ô nhiễm nguồn nước.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực:

a) Tổ chức, sắp xếp lại bộ máy quản lý, bộ máy trực tiếp sản xuất theo hướng tinh gọn, hợp lý, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hiệu quả trong việc sử dụng nguồn nhân lực.

b) Thường xuyên tổ chức rà soát lại lao động, định mức lao động, xác định các vị trí, chức danh công việc trong từng cụm trạm, từng Chi nhánh, từng phòng, ban; xây dựng kế hoạch sử dụng lao động, kế hoạch tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động.

c) Tổ chức đánh giá tình hình sử dụng lao động theo kế hoạch đã được phê duyệt. Phân tích những ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong việc tuyển dụng, sử dụng lao động, nguyên nhân chủ quan, khách quan để đề ra những biện pháp khắc phục kịp thời.

d) Thường xuyên hoặc định kỳ tổ chức bồi dưỡng, đào tạo lại, đào tạo thêm tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động để đảm bảo tiếp cận các tiến bộ về khoa học công nghệ trong ngành thủy lợi cũng như các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước để thực thi công việc.

đ) Xây dựng thang bảng lương; xây dựng quy chế khen thưởng, phúc lợi; đề bạt, bổ nhiệm, nâng bậc lương hợp lý, tiên tiến, ổn định, lâu dài, kích thích sản xuất đối với từng đối tượng người lao động trong Công ty.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:

a) Kiểm tra, soát xét, xây dựng các định mức kỹ thuật, các tiêu chuẩn ngành, các quy trình quy phạm liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình thủy lợi và chuyển tải đến từng đối tượng lao động đang đảm nhận công việc để nắm bắt và thực hiện tốt công việc.

b) Từng bước hiện đại hóa, công nghiệp hóa ngành thủy lợi, đưa công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa vào quản lý, khai thác công trình thủy lợi để chủ động trong công tác quản lý, kéo dài tuổi thọ công trình và nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành công trình phục vụ sản xuất.

c) Đầu tư nâng cấp công trình thủy lợi, đảm bảo độ ổn định, tải nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành:

a) Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý của từng thành viên trong Hội đồng thành viên, từng viên chức quản lý, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Công ty, lợi ích của Nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Tuân thủ tuyệt đối “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty” và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

c) Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để quản lý, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ (hàng quý, hàng năm) tại doanh nghiệp, tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu, những mặt còn hạn chế và tồn tại để khắc phục; kịp thời chỉ đạo, điều hành sản xuất, kinh doanh tốt hơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên, cán bộ Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, điều hành hoạt động, thực hiện tốt các giải pháp để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của Chiến lược phát triển; Kế hoạch phát triển kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm (2016 – 2020) của Công ty.

- Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược phát triển; Kế hoạch phát triển kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm (2016 – 2020) của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy Khối DN;
- CPVP;
- Lưu: VT, NC, KTN, KTTH (Mỹ).

(D:\My\qd chiến lược jinh doanh 5 năm
Công ty KT thủy lợi 2017.doc)



Trần Đình Tùng